

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST
Ngày 28-9-2020
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Lệ Hằng.
2. Ông Phạm Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2020/TLST-KDTM ngày 01 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở: phố L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Mã Hà Bửu N; địa chỉ nơi làm việc: ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N (có mặt).

- Bị đơn: Anh Ngô Văn B, sinh năm 1978; cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Ngọc Y, sinh năm 1980; cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Anh Ngô Quốc K, sinh năm 2002; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 02 tháng 4 năm 2020 của nguyên đơn Ngân hàng N (sau đây gọi là Ngân hàng); bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Mã Hà Bửu N trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn kinh doanh trái cây, xây dựng cơ sở kinh doanh, anh Ngô Văn B đã ký Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201701611 ngày 10/8/2017 với Ngân hàng Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng để vay tiền. Sau khi ký hợp đồng, ngày 11/8/2017 Ngân hàng Chi nhánh huyện C đã giải ngân cho anh Ngô Văn B số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất là 11,5%/năm, lãi suất quá hạn là 17,25%/năm, kỳ hạn trả nợ theo phân kỳ:

Ngày 10/8/2018 trả số tiền gốc là 35.000.000 đồng;

Ngày 10/8/2019 trả số tiền gốc là 35.000.000 đồng;

Ngày 10/8/2020 trả số tiền gốc là 35.000.000 đồng;

Ngày 10/8/2021 trả số tiền gốc là 35.000.000 đồng;

Ngày 10/8/2022 trả số tiền gốc là 60.000.000 đồng.

Định kỳ trả lãi: theo kỳ hạn trả gốc.

Tính đến ngày 28/9/2020, anh B còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi: 296.663.013 đồng, trong đó:

+ Số tiền gốc: 200.000.000 đồng.

+ Số tiền lãi trong hạn: 72.087.671 đồng.

+ Số tiền lãi quá hạn: 24.575.342 đồng

Để đảm bảo cho khoản vay trên anh Ngô Văn B có thể chấp tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 080328, diện tích 3.520m², thuộc thửa số 237, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung cấp ngày 15/9/2010 cho anh Ngô Văn B và chị Trần Ngọc Y theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04.AT1/HĐTC ngày 10/8/2017 giữa Ngân hàng và anh Ngô Văn B, chị Trần Ngọc Y, được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng chứng thực vào ngày 10/8/2017 và đã đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Sóc Trăng ngày 10/8/2017.

Tại phiên tòa Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện: theo nội dung đơn khởi kiện thì Ngân hàng buộc anh Ngô Văn B và chị Trần Ngọc Y chịu trách nhiệm liên đới trả hết nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201701611 ngày 10/8/2017 cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng chỉ yêu cầu anh Ngô Văn B có trách nhiệm trả hết nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201701611 ngày 10/8/2017, tính đến ngày 28/9/2020 tổng cộng nợ gốc và lãi là 296.663.013 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày anh B thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp anh Ngô Văn B không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị phát mại tài sản thế chấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 080328, diện tích 3.520m², thuộc thửa số 237, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15/9/2010 cho anh Ngô Văn B và chị Trần Ngọc Y theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04.AT1/HĐTC ngày 10/8/2017 giữa Ngân hàng và anh Ngô Văn B, chị Trần Ngọc Y.

- Bị đơn anh Ngô Văn B vắng mặt tại phiên tòa, anh B không có ý kiến đối với các văn bản Tòa án nhân dân đã gửi cho anh B nên không ghi nhận được ý kiến của anh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Ngọc Y, anh Ngô Quốc K vắng mặt tại phiên tòa, chị Y và anh K không có phản hồi đối với các văn bản Tòa án đã gửi cho chị Y và anh K nên không ghi nhận được ý kiến của chị Y và anh K.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ hợp pháp, nguyên đơn đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: bảng kê tính lãi Ngô Văn B (bản chính); Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201701611 ngày 10/8/2017 (bản sao có chứng thực); phụ lục hợp đồng (bản sao y); phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu đời sống (bản sao y); báo cáo đề xuất giải ngân (bản sao có chứng thực); Hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số 04.AT1/HĐTC ngày 10/8/2017 (bản sao có chứng thực); đơn yêu cầu đăng ký thế chấp tên Ngô Văn B và Trần Ngọc Y (bản sao có chứng thực); biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm ngày 10/8/2017 (bản sao có chứng thực); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 080328 ngày 15/9/2010 (bản sao y); thông báo đòi nợ anh Ngô Văn B (bản sao y); biên bản kiểm tra sau cho vay ngày 12/8/2019 (bản sao y); Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh vừa trái cây B (bản sao y); thông báo đòi nợ anh Ngô Văn B (bản sao y); đơn xin xác nhận anh Ngô Văn B không có sổ nhà (bản chính); giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình tên Ngô Văn B (bản sao y).

- Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ: Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/7/2020, trên phần đất thế chấp có một khu nhà mồ (nhà tiền chế), bên trong nhà mồ có 05 ngôi mộ họ Ngô thuộc gia đình anh Ngô Văn B, có kích thước chiều ngang 05m, chiều dài 08m. Hiện nay, phần tài sản thế chấp còn có con trai anh B và chị Y là anh Ngô Quốc K đang quản lý và sử dụng.

- Ngân hàng đồng ý khi phát mại tài sản thế chấp sẽ trừ đi khu nhà mồ của gia đình anh Ngô Văn B, có kích thước chiều ngang 05m, chiều dài 08m và lối đi từ khu nhà mồ (hướng giáp xẻo (rạch), lối đi đường đất) hướng ra lộ đal có kích thước chiều ngang 1,5m, chiều dài 15m.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: bị đơn và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà nguyên đơn đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 và 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh B trả nợ vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký, chấp nhận đề nghị xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn; buộc bị đơn anh B chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật: nguyên đơn Ngân hàng có đăng ký kinh doanh yêu cầu bị đơn anh Ngô Văn B có đăng ký kinh doanh trả nợ vay theo hợp đồng tín

dụng mà các bên đã ký và thực hiện, mục đích vay là để kinh doanh trái cây, xây dựng cơ sở kinh doanh. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là tranh chấp về kinh doanh, thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn anh Ngô Văn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Ngọc Y và anh Ngô Quốc K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện, trước đây nguyên đơn yêu cầu anh Ngô Văn B và chị Trần Ngọc Y chịu trách nhiệm liên đới trả nợ vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng. Nay nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu anh B trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại Điều 5 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nội dung:

[4] Xét Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201701611 ngày 10/8/2017 được ký giữa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng và anh Ngô Văn B. Tại thời điểm ký kết các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Bộ luật dân sự, nên có hiệu lực pháp luật.

[5] Xét yêu cầu bị đơn anh Ngô Văn B trả nợ vay gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201701611 ngày 10/8/2017 tính đến ngày 28/9/2020 với số tiền là 296.663.013 đồng, trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 72.087.671 đồng, nợ lãi quá hạn là 24.575.342 đồng. Theo các tài liệu, chứng cứ kèm theo hợp đồng tín dụng, thì xác định: Ngân hàng đã giải ngân và bị đơn đã nhận được số tiền vay là 200.000.000 đồng, thời gian vay là 60 tháng kể từ ngày 10/8/2018, lãi suất cho vay là 11,50%/năm, lãi suất quá hạn là 17,25%, mục đích sử dụng vốn vay là để kinh doanh trái cây, xây dựng cơ sở kinh doanh. Sau khi vay tiền, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo phân kỳ, từ khi vay tiền đến ngày 28/9/2020 bị đơn không thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng. Do anh B đã vi phạm thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201701611 ngày 10/8/2017. Nên việc Ngân hàng yêu cầu anh B trả tiền vay gốc và lãi nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày

11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên được chấp nhận.

[6] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04.AT1/HĐTC ngày 10/8/2017, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của anh B, chị Y, hợp đồng thế chấp được các bên ký và chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã A, đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đúng theo quy định tại các điều 317, 318, 319, 500 và 502 của Bộ luật Dân sự, Điều 166 và Điều 167 Luật đất đai nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký. Ngân hàng đề nghị phát mại tài sản thế chấp khi anh B không có khả năng thanh toán nợ vay trong giai đoạn thi hành án là có cơ sở theo quy định tại các điều 299, 320, 322 và 323 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận. Khi phát mại tài sản thế chấp, Ngân hàng đồng ý trừ đi khu nhà mồ của gia đình anh Ngô Văn B, có kích thước chiều ngang 05m, chiều dài 08m và lối đi từ khu nhà mồ (hướng giáp xẻo (rạch), lối đi đường đất) hướng ra lộ đal có kích thước chiều ngang 1,5m, chiều dài 15m.

[8] Như đã phân tích ở trên ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng không chịu, anh B phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định tại Điều 147 và 157 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 117, 118, 119, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 500 và 502 của Bộ luật Dân sự; Điều 166 và Điều 167 Luật đất đai; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1. Buộc anh Ngô Văn B trả cho Ngân hàng N tiền vay gốc và lãi là 296.663.013 (hai trăm chín mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi ba ngàn, không trăm mười ba) đồng, trong đó nợ gốc: 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, nợ lãi trong hạn 72.087.671 (bảy mươi hai triệu, không trăm tám mươi bảy ngàn, sáu trăm bảy mươi một) đồng, lãi quá hạn 24.545.342 (hai mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm ngàn, ba trăm bốn mươi hai) đồng.

Kể từ ngày 29/9/2020 anh B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà anh B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà anh B thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04.AT1/HĐTC ngày 10/8/2017 để thu hồi nợ vay. Khi phát mại tài sản thế chấp nêu trên, Ngân hàng N đồng ý trừ đi khu nhà mồ của gia đình anh Ngô Văn B, có kích thước chiều ngang 05m, chiều dài 08m và lối đi từ khu nhà mồ (hướng giáp xẻo (rạch), lối đi đường đất) hướng ra lộ đèo có kích thước ngang 1,5m, chiều dài 15m.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: anh Ngô Văn B phải nộp 14.833.151 (mười bốn triệu, tám trăm ba mươi ba ngàn, một trăm năm mươi một) đồng; Ngân hàng N không phải chịu án phí, trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.813.000 (năm triệu, tám trăm mười ba ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002928 ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

4. Chi phí tố tụng: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 900.000 (chín trăm ngàn) đồng, Ngân hàng N đã nộp đủ theo phiếu thu số T26 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Anh Ngô Văn B phải trả lại cho Ngân hàng N số tiền 900.000 (chín trăm ngàn) đồng.

5. Quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Ngoan